

UBND TỈNH NGHỆ AN
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 524/KL-SKHCN

Nghệ An, ngày 29 tháng 05 năm 2023

KẾT LUẬN THANH TRA

Về nhiệm vụ quản lý hoạt động khoa học và công nghệ cấp huyện

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 05/01/2022 của UBND tỉnh Nghệ An Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nghệ An;

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Đoàn thanh tra theo Quyết định số 28/QĐ-SKHCN ngày 16/02/2023 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ,

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ kết luận thanh tra như sau:

1. Khái quát chung

1.1. Những năm vừa qua, trên địa bàn tỉnh Nghệ An, công tác phối hợp giữa Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) với UBND các huyện, thị xã, thành phố (cấp huyện) để triển khai nhiệm vụ quản lý KH&CN thường xuyên được đẩy mạnh. Hoạt động KH&CN đã được chỉ đạo triệt để, lồng ghép thực hiện có hiệu quả, với các giải pháp khá tích cực. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chính sách về KH&CN được chú trọng tổ chức tại các địa phương, tập trung vào các nội dung như: sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm và doanh nghiệp, thông tin KH&CN... Hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ứng dụng các tiến bộ KH&CN tại cấp huyện có nhiều chuyển biến đáng kể, với nhiều dự án, mô hình KH&CN được hỗ trợ triển khai, góp phần phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới của địa phương. Công tác quản lý tiêu chuẩn đo lường chất lượng, an toàn bức xạ hạt nhân, sở hữu trí tuệ; phong trào lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật được tăng cường. Qua đó, từng bước khẳng định được vai trò quan trọng của KH&CN đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, hoạt động quản lý KH&CN cấp huyện cũng không thể tránh khỏi những tồn tại, hạn chế cần được chấn chỉnh, uốn nắn, khắc phục. Chính vì vậy, việc Sở KH&CN xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện thanh tra đối với hoạt động này là hết sức cần thiết.

1.2. Nhiệm vụ quản lý hoạt động KH&CN cấp huyện được thực hiện hàng năm, dưới hình thức giao kết bằng hợp đồng giữa Sở KH&CN với UBND cấp huyện,

được bố trí kinh phí từ nguồn sự nghiệp KH&CN. Lần gần nhất, Thanh tra Sở tiến hành thanh tra đối với nhiệm vụ quản lý hoạt động KH&CN cấp huyện là vào năm 2018. Trong đợt thanh tra lần này, đối tượng thanh tra là UBND các huyện: Tương Dương, Con Cuông, Nghi Lộc, Nghĩa Đàn, Quế Phong, Đô Lương, Quỳnh Lưu; với niên hạn thanh tra: trong hai năm: 2021 và 2022. Tổng kinh phí sự nghiệp KH&CN cấp cho 07 huyện để thực hiện nhiệm vụ trong 02 năm là: 3.191.357.400 đồng (ba tỷ, một trăm chín mươi một triệu, ba trăm năm mươi bảy ngàn, bốn trăm đồng), trong đó năm 2021: 1.540.000.000 đồng; năm 2022: 1.651.357.400 đồng. Các nhiệm vụ từng năm vẫn bao gồm 05 phần việc chuyên môn: (1) Hoạt động của Hội đồng KH&CN, (2) Công tác quản lý nhà nước về KH&CN, (3) Ứng dụng các tiến bộ KH&CN vào sản xuất và đời sống, (4) Công tác thông tin, truyền thông KH&CN, (5) Hoạt động nghiệp vụ KH&CN.

2. Kết quả kiểm tra, xác minh

2.1. Các nội dung đã tiến hành thanh tra:

2.1.1. Thanh tra về thủ tục, hồ sơ.

2.1.2. Thanh tra về kết quả thực hiện nhiệm vụ.

2.1.3. Thanh tra về việc cấp, sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

2.2. Kết quả:

2.2.1. Về thủ tục, hồ sơ:

Đoàn thanh tra đã tiến hành xem xét các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến nội dung thanh tra như: Thuyết minh thực hiện nhiệm vụ; Biên bản họp hội đồng tư vấn thẩm định nội dung và kinh phí nhiệm vụ; Quyết định của Giám đốc Sở KH&CN về việc phê duyệt nhiệm vụ quản lý hoạt động khoa học và công nghệ; Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ ký giữa Sở KH&CN với UBND cấp huyện; Biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ; Biên bản thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ.

Kết quả cho thấy: Về cơ bản, các thủ tục hồ sơ liên quan đến nhiệm vụ quản lý hoạt động KH&CN của cả 07 UBND huyện trong năm 2021, 2022 được thực hiện đúng quy định. Bên cạnh đó, vẫn còn hồ sơ của UBND 2 huyện có một số tồn tại:

- Hồ sơ của UBND huyện Đô Lương: tại Biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021, ngày 18/12/2021: có ghi nhận đến thời điểm nghiệm thu, đã thực hiện 02 cuộc hội thảo. Tuy nhiên, các hồ sơ, chứng từ thanh quyết toán cuộc hội thảo “đánh giá kết quả hoạt động KH&CN năm 2021 và xây dựng nhiệm vụ hoạt động KH&CN huyện Đô Lương năm 2022” lại thể hiện: cuộc hội thảo này được tổ chức vào ngày 27/12/2021 (sau thời điểm lập Biên bản nghiệm thu).

- Hồ sơ của UBND huyện Quế Phong: tại điểm a mục 1.3 của Hợp đồng số 111/HĐ-SKHCN ngày 11/02/2022 thể hiện giao kết “Tiếp tục theo dõi mô hình nuôi trai nước ngọt lấy ngọc tại khu vực hồ thủy điện Hòa Na”; và hoạt động này được cấp

kinh phí thực hiện với số tiền là: 15.198.000 đồng. Tuy nhiên, qua kiểm tra hồ sơ, không có báo cáo kết quả thực hiện công việc này.

2.2.2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

a) Hoạt động của Hội đồng KH&CN:

Trong 02 năm 2021 - 2022, 07 UBND cấp huyện đã thực hiện 26 cuộc hội thảo, hội nghị. Thành phần tham gia họp là các thành viên của Hội đồng KH&CN huyện cùng khách mời là đại diện các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn huyện. Nội dung các cuộc hội thảo, hội nghị chủ yếu là đánh giá kết quả hoạt động KH&CN của năm trước, định hướng xây dựng nhiệm vụ của năm sau; đánh giá và đề xuất các giải pháp ứng dụng KH&CN nhằm thay đổi, phát triển sản phẩm OCOP và một số lĩnh vực khác... Trong năm 2021, có 06 huyện tổ chức hội thảo sơ kết, đánh giá 05 năm thực hiện Nghị quyết 06-NQ/TU ngày 14/12/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghệ An về phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến 2025 (UBND huyện Nghi Lộc không thực hiện hội thảo nội dung này).

b) Công tác quản lý nhà nước về KH&CN:

Nội dung chính của phần việc chuyên môn này bao gồm: (1) hoạt động tuyên truyền, phổ biến các cơ chế, chính sách, pháp luật về KH&CN; (2) tổ chức các cuộc kiểm tra về TCDLCL trên địa bàn. Trong 02 năm 2021 - 2022, 07 UBND cấp huyện:

- Đã tổ chức được 15 cuộc hội nghị tập huấn, trong đó:

+ Năm 2021: 08 cuộc. Huyện Con Cuông tổ chức 02 cuộc; các huyện còn lại tổ chức mỗi huyện/01 cuộc. Năm 2022: 07 cuộc. Huyện Quỳnh Lưu tổ chức 02 cuộc; huyện Nghi Lộc không tổ chức; các huyện còn lại tổ chức mỗi huyện/01 cuộc.

+ Có 12 cuộc có nội dung phổ biến, tuyên truyền Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An quy định một số chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư, đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 13/11/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Nghệ An đến năm 2025; Quyết định số 04 ngày 14/01/2021 của UBND tỉnh quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư, đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Nghệ An... cho các doanh nghiệp, Hợp tác xã, làng nghề.

+ Có 01 cuộc tập huấn, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về tiêu chuẩn đo lường chất lượng, mã số mã vạch, ghi nhãn hàng hóa cho các sản phẩm OCOP (huyện Con Cuông).

+ Có 01 cuộc tập huấn nâng cao năng lực khai thác, quản lý và bảo hộ quyền SHCN cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, làng nghề (huyện Nghĩa Đàn).

+ Có 01 cuộc tập huấn về quản lý phương tiện đo cho lãnh đạo các xã, ban quản lý chợ, hộ kinh doanh (huyện Quỳnh Lưu).

- Đã thực hiện 29 cuộc kiểm tra chuyên ngành về TCĐLCL, an toàn thực phẩm, chống buôn lậu, gian lận thương mại...trong đó:

+ Năm 2021 tổ chức 12 cuộc. Huyện Nghĩa Đàn không thực hiện kiểm tra; các huyện còn lại mỗi huyện tổ chức 02 cuộc (trong dịp Tết Nguyên đán và Tết Trung thu).

+ Năm 2022 tổ chức 17 cuộc. Huyện Tương Dương thực hiện 04 cuộc. Huyện Con Cuông thực hiện 03 cuộc. Các huyện còn lại mỗi huyện tổ chức 02 cuộc. Thời điểm thực hiện kiểm tra vẫn là trong các dịp Tết Nguyên đán, Tết Trung thu, tháng vệ sinh an toàn thực phẩm. Trong năm 2022, theo chỉ đạo của Sở Khoa học và Công nghệ, UBND các huyện, thành, thị đã tổ chức cuộc kiểm tra diện rộng đối với các cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng.

- Bên cạnh đó, các huyện cũng đã thực hiện phối hợp tốt với các đoàn kiểm tra, thanh tra của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh như: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Y tế, Cục Quản lý thị trường...

c) Ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống:

Nội dung chính của phần việc chuyên môn này bao gồm: (1) Xây dựng các mô hình ứng dụng KH&CN quy mô nhỏ; (2) theo dõi, đánh giá, duy trì, nhân rộng...các mô hình ứng dụng KH&CN đã được triển khai trên địa bàn; (3) phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện và quản lý các nhiệm vụ KH&CN thực hiện trên địa bàn từ các nguồn kinh phí khác. Trong 02 năm 2021 - 2022, UBND 07 huyện đã triển khai thực hiện:

- Đã thực hiện 18 mô hình ứng dụng KH&CN (mỗi năm triển khai thực hiện 09 mô hình), cụ thể như sau:

+ Các huyện Con Cuông, Quế Phong: mỗi đơn vị thực hiện 04 mô hình trong 02 năm. Huyện Nghĩa Đàn thực hiện 03 mô hình trong 02 năm. Huyện Nghi Lộc thực hiện 01 mô hình năm 2021, năm 2022 không thực hiện. Các huyện: Quỳnh Lưu, Tương Dương, Đô Lương thực hiện 02 mô hình trong 02 năm.

+ Có 14/18 mô hình tác động đến đối tượng cây trồng; trong đó:

* 03 mô hình về cây dược liệu¹;

* 03 mô hình về cây chiết xuất tinh dầu²;

* 05 mô hình về cây ăn quả³;

* 02 mô hình về bảo tồn, phát triển cây bản địa⁴;

¹ Mô hình trồng cây Khôi tía (Tương Dương – 2021); mô hình trồng cây Dây thìa canh lá to (Con Cuông – 2021); mô hình xây dựng vườn vật liệu cây Trà hoa vàng (Quế Phong – 2021).

² Mô hình trồng cây Sả chanh, Hương nhu, Bạc hà (Đô Lương – 2021); 02 mô hình trồng cây Tràm năm gân (Tương Dương và Đô Lương – 2022).

³ Mô hình trồng cây Bơ (Nghĩa Đàn – 2021); mô hình trồng cây Chanh không hạt (Quỳnh Lưu – 2021); mô hình nâng cao chất lượng ôi (Nghĩa Đàn – 2022); 02 mô hình áp dụng kỹ thuật, phòng trừ sâu bệnh hại cam (Con Cuông, Nghĩa Đàn – 2022).

⁴ Mô hình bảo tồn giống lúa nếp Khâu cây nội (Quế Phong – 2022); mô hình trồng cây rau Nhót (Quỳnh Lưu – 2022).

* 01 mô hình về cây trồng dùng làm nguyên liệu sản xuất⁵.

+ Có 03 mô hình tác động đến đối tượng vật nuôi: 02 mô hình nuôi trai nước ngọt lấy ngọc (Con Cuông, Quế Phong - 2021); 01 mô hình lưu giữ nguồn gen Baba gai sông Quàng (Quế Phong - 2022).

+ Có 01 mô hình tác động đến làng nghề tiểu thủ công nghiệp: mô hình xử lý ô nhiễm môi trường cho làng nghề mộc mỹ nghệ (Nghị Lộc - 2021).

+ Tổng số kinh phí (nguồn sự nghiệp KH&CN) cấp để thực hiện mô hình là: 1.686.222.000đ (một tỷ, sáu trăm tám mươi sáu triệu, hai trăm hai mươi hai ngàn đồng); trong đó năm 2021: 849.184.000đ; năm 2022: 837.038.000đ. Nguồn sự nghiệp KH&CN chủ yếu hỗ trợ cho các hạng mục: tập huấn kỹ thuật, khảo sát địa điểm, giống, phân bón, vật tư, kiểm tra đánh giá...

+ Loại hình thực hiện: có 8/18 mô hình thuộc loại hình phát triển, thử nghiệm các giống cây, con mới⁶; 06/18 mô hình thuộc loại hình ứng dụng kỹ thuật, công nghệ mới⁷; 04/18 mô hình thuộc loại hình phát triển sản phẩm địa phương⁸.

+ Đối tượng thực hiện: có 08/18 mô hình do hộ dân thực hiện; 06/18 mô hình do hợp tác xã thực hiện; 02/18 mô hình do Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện thực hiện; 01 mô hình do Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN thực hiện; 01 mô hình do UBND xã thực hiện.

+ Tỷ lệ thành công: theo đánh giá của Đoàn thanh tra, có 08/18 mô hình thành công⁹ (45%); 04/18 mô hình không thành công¹⁰ (22%); 06/18 mô hình đến tại thời điểm thanh tra, chưa có cơ sở để đánh giá¹¹ (33%). Các mô hình thành công cũng là các mô hình có khả năng nhân rộng hoặc thực hiện với quy mô lớn hơn.

- Đã tiến hành theo dõi, chăm sóc, đánh giá, duy trì, nhân rộng nhiều mô hình ứng dụng KH&CN thuộc các nhiệm vụ của các năm trước; phối hợp với Sở KH&CN quản lý các đề tài, dự án KH&CN đang được thực hiện trên địa bàn; thực hiện các nhiệm vụ có tính chất KH&CN từ các nguồn kinh phí khác...

d) Công tác thông tin, truyền thông KH&CN:

⁵ Mô hình trồng cây Trúc đại - Tre Moso (Con Cuông - 2022).

⁶ Các mô hình phát triển, thử nghiệm các giống cây, con mới: (1) MH cây Khôi tía; (2) MH cây Sả chanh, Hương nhu, Bạc hà; (3) 02 MH nuôi trai nước ngọt lấy ngọc; (4) MH cây Thìa canh lá to; (5) 02 MH trồng cây Tràm năm gân; (6) MH cây Trúc đại.

⁷ Các mô hình ứng dụng kỹ thuật, công nghệ mới: (1) MH trồng cây Bơ; (2) MH trồng cây Chanh không hạt; (3) MH xử lý ô nhiễm môi trường cho làng nghề mộc mỹ nghệ; (4) 02 MH phòng trừ sâu bệnh hại cam; (5) MH Ôi.

⁸ Các mô hình phát triển sản phẩm địa phương: (1) MH cây Trà hoa vàng; (2) MH Baba gai sông Quàng; (3) MH giống lúa nếp Khau cây nọi; (4) MH cây rau Nhót.

⁹ Các mô hình được đánh giá là thành công: (1) MH trồng cây Khôi tía; (2) MH cây Sả Chanh; (3) MH cây Dây thìa canh lá to; (4) MH cây Trà hoa vàng; (5) MH xử lý ô nhiễm môi trường cho làng nghề mộc mỹ nghệ; (6) MH Baba gai sông Quàng; (7) MH giống lúa nếp Khau cây nọi; (8) MH Ôi.

¹⁰ Các mô hình được đánh giá là không thành công: (1) 02 MH nuôi trai nước ngọt lấy ngọc; (2) MH trồng cây Chanh không hạt; (3) MH cây Trúc đại.

¹¹ Các mô hình chưa có cơ sở để đánh giá có thành công hay không: (1) MH trồng cây Bơ; (2) 02 MH trồng cây Tràm năm gân; (3) 02 MH phòng trừ sâu bệnh hại cam; (4) MH cây rau Nhót.

Nội dung chính của phần việc chuyên môn này bao gồm các hoạt động như: (1) khai thác thông tin về KH&CN để cung cấp, phổ biến cho người dân; (2) thống kê nhu cầu nghiên cứu, ứng dụng KH&CN vào sản xuất và đời sống tại địa bàn; (3) viết các tin, bài phản ánh hoạt động KH&CN trên địa bàn... Trong 02 năm 2021 - 2022, 07 UBND cấp huyện:

- Đã viết 100 tin bài (năm 2021: 41 tin bài; năm 2022: 59 tin bài) đưa tin, phản ánh về hoạt động KH&CN trên địa bàn đăng tải trên Cổng thông tin điện tử huyện và trang Web của Sở KH&CN. Nổi bật có UBND huyện Đô Lương: đăng tải 27 tin bài. Các huyện còn lại đăng tải từ 9 đến 14 tin bài.

- Đã chỉ đạo các đơn vị có liên quan như: Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông huyện thường xuyên xây dựng các bản tin, chuyên đề về hoạt động khuyến nông, khuyến ngư, khuyến lâm...

- Đã chủ trì, phối hợp tổ chức nhiều lớp tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật nông nghiệp cho bà con nông dân; tổ chức nhiều hoạt động thiết thực khác nhằm giới thiệu, quảng bá các tiến bộ KH&CN, các kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học và phát triển công nghệ... Hoạt động nổi bật có UBND các huyện: Đô Lương, Tương Dương, Quỳnh Lưu¹².

đ) Hoạt động nghiệp vụ KH&CN:

UBND các huyện được thanh tra đã: (1) tiến hành làm việc với Sở KH&CN về kiểm tra tiến độ thực hiện nhiệm vụ KH&CN từng năm, đề xuất các mô hình, dự án thực hiện trong các năm tiếp theo; (2) thực hiện thu thập thông tin, xây dựng nhiệm vụ hoạt động KH&CN, viết báo cáo theo sự chỉ đạo của Sở và các phòng, đơn vị chuyên môn của Sở KH&CN; (3) tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ do Sở KH&CN tổ chức nhằm bồi dưỡng, nâng cao kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm quản lý cho cán bộ chuyên quản và các thành viên của Hội đồng KH&CN huyện; (4) tham gia các hội nghị sơ kết, tổng kết, hội nghị chuyên ngành...

2.2.3. Việc cấp, sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật:

a) Việc cấp kinh phí:

- Trong niên hạn thanh tra, tổng số kinh phí từ ngân sách sự nghiệp KH&CN cấp cho 07 UBND cấp huyện để thực hiện nhiệm vụ quản lý KH&CN là: 3.191.357.400 đồng (ba tỷ, một trăm chín mươi một triệu, ba trăm năm mươi bảy ngàn, bốn trăm đồng), cụ thể như sau:

+ Huyện Tương Dương: 430.000.000đ (năm 2021: 200.000.000đ; năm 2022: 230.000.000đ);

¹² Theo báo cáo, UBND huyện Đô Lương tổ chức 172 lớp tập huấn; UBND huyện Tương Dương tổ chức 105 lớp tập huấn; UBND huyện Quỳnh Lưu tổ chức 98 lớp tập huấn.

+ Huyện Đô Lương: 450.000.000đ (năm 2021: 220.000.000đ; năm 2022: 230.000.000đ);

+ Huyện Con Cuông: 510.000.000đ (năm 2021: 240.000.000đ; năm 2022: 270.000.000đ);

+ Huyện Quế Phong: 510.000.000đ (năm 2021: 240.000.000đ; năm 2022: 270.000.000đ);

+ Huyện Nghĩa Đàn: 450.000.000đ (năm 2021: 200.000.000đ; năm 2022: 250.000.000đ);

+ Huyện Quỳnh Lưu: 411.357.400đ (năm 2021: 230.000.000đ; năm 2022: 181.357.400đ);

+ Huyện Nghi Lộc: 430.000.000đ (năm 2021: 210.000.000đ; năm 2022: 220.000.000đ).

- Số kinh phí từng năm được cấp thành 02 đợt; đợt 1 cấp 50% sau khi ký hợp đồng, đợt 2 cấp 50% còn lại sau khi hoàn thành thủ tục nghiệm thu thanh lý.

- Tổng số kinh phí đã quyết toán: 2.951.378.600đ (hai tỷ, chín trăm năm mươi một triệu, ba trăm bảy mươi tám ngàn, sáu trăm đồng).

- Tổng số kinh phí trả lại ngân sách do không thực hiện một số phần việc chuyên môn như giao kết: 239.978.800đ (hai trăm ba mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi tám ngàn, tám trăm đồng), cụ thể:

+ Năm 2021:

* UBND huyện Nghĩa Đàn hoàn trả: 20.000.000đ;

* UBND huyện Nghi Lộc hoàn trả: 14.620.000đ.

+ Năm 2022:

* UBND huyện Con Cuông hoàn trả: 19.960.000đ;

* UBND huyện Nghi Lộc hoàn trả: 122.219.000đ;

* UBND huyện Quỳnh Lưu hoàn trả: 63.179.800đ.

b) Việc sử dụng kinh phí:

Qua kiểm tra các hồ sơ, chứng từ thanh quyết toán các nội dung đã triển khai, nhận thấy: về cơ bản, việc sử dụng kinh phí nhiệm vụ đã căn cứ theo dự toán được duyệt và tình hình thực tế khi triển khai; hồ sơ sổ sách, chứng từ rõ ràng, hợp pháp. Bên cạnh đó, còn tồn tại một số sai sót cần được chấn chỉnh, rút kinh nghiệm như: hóa đơn, giấy đi công tác thiếu ngày tháng, hợp đồng sót chữ ký, thiếu báo cáo trong hội thảo khoa học...

3. Kết luận

3.1. Về thủ tục, hồ sơ:

Về cơ bản, các thủ tục hồ sơ liên quan đến nhiệm vụ quản lý hoạt động KHCN của tất cả đối tượng thanh tra trong năm 2021, 2022 được thực hiện đúng quy định.

Bên cạnh đó, thủ tục hồ sơ của các huyện Đô Lương, Quế Phong còn tồn tại số ít các vấn đề sai sót như đã thể hiện tại điểm b mục 2.2.1.

3.2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

3.2.1. UBND các huyện: Đô Lương, Tương Dương, Quế Phong đã thực hiện đầy đủ số lượng các phần việc chuyên môn theo yêu cầu. UBND các huyện: Con Cuông, Nghĩa Đàn, Quỳnh Lưu, Nghi Lộc chưa thực hiện đầy đủ số lượng các phần việc chuyên môn theo yêu cầu¹³.

3.2.2. Các phần việc chuyên môn của nhiệm vụ quản lý KH&CN cấp huyện trong hai năm 2021, 2022 cơ bản được triển khai thực hiện bài bản, khoa học, có hiệu quả, thể hiện rõ được vai trò của KH&CN đối với đời sống xã hội, sản xuất, kinh doanh tại địa phương. Các hội đồng KH&CN cấp huyện đã tổ chức nhiều cuộc hội nghị, hội thảo có nội dung chuyên môn tốt; đã huy động, tranh thủ được nhiều ý kiến góp ý, tham luận, tư vấn, phản biện của nhiều chuyên gia, doanh nghiệp, nhà quản lý. Công tác quản lý nhà nước về KH&CN được đẩy mạnh, đặc biệt hoạt động tuyên truyền, phổ biến các chính sách hỗ trợ, pháp luật về sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo... đã được thực hiện chuyên sâu, gắn với nhu cầu của đối tượng thụ hưởng phù hợp theo từng thời điểm. Hoạt động ứng dụng tiến bộ KH&CN vào đời sống đã xuất phát nhiều hơn từ nhu cầu thực tiễn, thể hiện được sự năng động, tính tiên phong đi đầu trong tìm kiếm giải pháp tạo sinh kế cho người dân. Công tác thông tin, truyền thông KH&CN được chú trọng, dần được chuyên nghiệp hóa và trở thành hoạt động quen thuộc, mang lại nhiều ý nghĩa thiết thực cho người dân. Hoạt động nghiệp vụ KH&CN được triển khai đầy đủ, hợp lý, một mặt giúp cho cán bộ quản lý KH&CN cấp huyện có thể chủ động thực hiện nhiệm vụ, mặt khác bảo đảm được sự quản lý sâu sát, kịp thời định hướng, uốn nắn, chỉ đạo của Sở KH&CN.

3.2.3. Bên cạnh các kết quả đã đạt được, việc thực hiện nhiệm vụ quản lý KH&CN cấp huyện trong hai năm 2021, 2022 còn nảy sinh một số tồn tại, cụ thể như sau:

- Công tác kiểm tra chuyên ngành về KH&CN chưa mang lại nhiều kết quả mong muốn; biên bản kiểm tra ghi nhận sơ sài, không phản ánh rõ được nội dung và kết quả kiểm tra; việc áp dụng pháp luật, nghiệp vụ kiểm tra, xử lý vi phạm chưa nhuần nhuyễn, hợp lý.

- Quy mô thực hiện các mô hình ứng dụng KH&CN còn nhỏ lẻ, phân tán; tỷ lệ duy trì, nhân rộng các mô hình sau khi kết thúc là chưa cao; chưa có nhiều các mô hình chế biến và sản phẩm được tác động theo chuỗi giá trị.

¹³ UBND huyện Con Cuông: năm 2022 không thực hiện 01 cuộc hội thảo; UBND huyện Nghĩa Đàn: năm 2021 không thực hiện 02 cuộc kiểm tra; UBND huyện Quỳnh Lưu: năm 2022 không thực hiện 01 cuộc hội thảo; UBND huyện Nghi Lộc: năm 2021 không tổ chức 01 cuộc hội thảo, năm 2022 không thực hiện mô hình nhỏ.

- Công tác đề xuất, đặt hàng danh mục các mô hình ứng dụng KH&CN chưa có tính tập trung và thống nhất để phục vụ phát triển cho một số đối tượng nhất định. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả chưa phản ánh rõ thực chất, chưa đúc rút được giá trị về mặt khoa học và kinh tế xã hội của các mô hình.

3.3. Việc cấp, sử dụng kinh phí:

3.3.1. Việc cấp kinh phí để thực hiện nhiệm vụ quản lý KH&CN cấp huyện đã được Sở KH&CN bảo đảm thực hiện đầy đủ. Trong thực tế, kinh phí đang được Sở cấp làm 02 lần: lần thứ nhất cấp 50% ngay sau khi ký hợp đồng; lần thứ hai cấp 50% còn lại sau khi làm thủ tục nghiệm thu, thanh lý. Việc cấp kinh phí như vậy đang khiến cho công tác thực hiện nhiệm vụ của các huyện gặp khó khăn vì phải tìm kiếm 50% số kinh phí còn lại để hoàn thành công việc, sau đó mới được bù lại khi nhiệm vụ được nghiệm thu thanh lý.

3.3.2. Về sử dụng kinh phí của nhiệm vụ từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật:

Qua kiểm tra các hồ sơ thanh quyết toán, đoàn nhận thấy: về cơ bản, việc sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước của các đơn vị được thanh tra để thực hiện các nhiệm vụ quản lý KH&CN cấp huyện đúng theo các quy định tại Quyết định số 12/2016/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Nghệ An, các khoản chi đúng nội dung dự toán đã được duyệt và phù hợp với thuyết minh của nhiệm vụ. Bên cạnh đó, vẫn còn tồn tại một vài sai sót cần được chấn chỉnh, rút kinh nghiệm như: hóa đơn, giấy đi công tác thiếu ngày tháng, hợp đồng sót chữ ký, thiếu báo cáo trong hội thảo khoa học...

4. Yêu cầu, kiến nghị

4.1. Đối với 07 đơn vị được thanh tra:

4.1.1. Yêu cầu các đơn vị được thanh tra nghiêm túc chấn chỉnh, rút kinh nghiệm, bổ cứu về những sai sót mà đoàn thanh tra đã nêu cụ thể trong biên bản thanh tra của từng đơn vị.

4.1.2. Theo quy định tại Chương II, Thông tư số 01/2021/TT-BKH&CN ngày 01/3/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện: Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc UBND cấp huyện có chức năng tham mưu quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn; và cơ quan chuyên môn này có con dấu và tài khoản theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên trong thực tế có Phòng Kinh tế và Hạ tầng của UBND các huyện Quế Phong và Quỳnh Lưu không có tài khoản riêng, do vậy Sở Khoa học và Công nghệ phải ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ qua bộ phận Văn phòng HĐND và

UBND. Điều này khiến cho tính chủ động thực hiện nhiệm vụ của Phòng Kinh tế và Hạ tầng bị hạn chế. Đề nghị UBND các huyện Quế Phong và Quỳnh Lưu trên cơ sở quy định của pháp luật, nghiên cứu, xem xét để Phòng Kinh tế và Hạ tầng được mở tài khoản riêng.

4.1.3. UBND cấp huyện cần bố trí kinh phí cho việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trên địa bàn trong kế hoạch ngân sách hàng năm. Bên cạnh đó, các huyện cần khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân đầu tư kinh phí xây dựng các mô hình ứng dụng các tiến bộ KH&CN nhằm tạo ra sản phẩm hàng hoá, sau đó vận dụng các chính sách hiện có để hỗ trợ. Mặt khác, cần tập trung và kiên trì thực hiện nhiều mô hình theo chuỗi giá trị cho một số sản phẩm ưu tiên nhằm tạo ra sản phẩm cuối cùng có giá trị, có sức cạnh tranh cao; hạn chế thực hiện xây dựng các mô hình cho các đối tượng mới theo dạng phong trào, mang tính thử nghiệm, không có cơ sở đánh giá hiệu quả, lại phải phụ thuộc vào nguồn cung cây, con giống. Ngoài ra, UBND cấp huyện cần huy động, sử dụng nhân lực tại chỗ, đặc biệt là nhân lực các trung tâm, trạm, trại trên địa bàn để xác định, đề xuất, thực hiện các mô hình ứng dụng tiến bộ KH&CN.

4.1.4. Tổ chức công khai Kết luận thanh tra theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 39 Luật Thanh tra.

4.2. Yêu cầu Phòng Quản lý Khoa học:

- Nghiêm túc tổ chức rút kinh nghiệm trong việc tham mưu về hoạt động nghiệm thu, đánh giá kết quả; trong biên bản nghiệm thu phải thể hiện đánh giá, nhận xét, chỉ đạo về hiệu quả và trách nhiệm ứng dụng, duy trì, nhân rộng... các mô hình ứng dụng KH&CN. Bên cạnh đó, phải có giải pháp quản lý hợp lý quá trình thực hiện các phần việc chuyên môn nhằm đảm bảo về tiến độ và số lượng, chất lượng, đồng thời không làm ảnh hưởng đến hoạt động của UBND cấp huyện.

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị có liên quan tham mưu văn bản thay thế Quyết định số 5059/QĐ-UBND ngày 28/12/2006 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh Nghệ An, Hội đồng khoa học và công nghệ các huyện, thành phố Vinh và thị xã Cửa Lò; lý do: các căn cứ ban hành đã bị thay đổi, một số nội dung trong quy chế không còn phù hợp.

4.3. Yêu cầu bộ phận kế toán Sở:

- Kiểm soát chặt chẽ hơn các hồ sơ thanh quyết toán.
- Trên cơ sở các quy định của pháp luật, tham mưu lãnh đạo Sở khả năng giảm tải số lượng hồ sơ thanh quyết toán và việc cấp kinh phí nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình thực hiện nhiệm vụ của UBND cấp huyện.

4.4. Yêu cầu Thanh tra Sở: trong năm 2024 xây dựng kế hoạch tập huấn nghiệp vụ kiểm tra chuyên ngành về khoa học và công nghệ cho cán bộ công chức có

liên quan thuộc UBND cấp huyện, chú trọng đến nội dung áp dụng pháp luật, xác định hành vi vi phạm và xử lý vi phạm hành chính.

Nơi nhận:

- Thanh tra Bộ KH&CN: (Báo cáo)
- UBND tỉnh Nghệ An: (Báo cáo)
- Thanh tra tỉnh:
- Các đối tượng được thanh tra;
- PGĐ Sở;
- Phòng QLKH;
- Văn phòng Sở;
- Thanh tra Sở;
- Trung tâm TT KHCN&TH;
- Lưu: VT; HSTT.



GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Thành

